TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thẩm

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ô1, khu phố A, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu phố C, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày*: Chị và anh Trần Quốc V chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình.

Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Trần Minh Trí, sinh ngày 24/7/2013 hiện chị đang nuôi. Về tài sản chung, anh chị có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất do anh V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc Ô4/58A, Khu phố Thanh Bình C, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên chị không biết căn nhà diện tích bao nhiêu, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa chị và anh V không còn phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, cả hai đều không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh chị sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, chị cố gắng sống chung để tạo điều kiện hàn gắn gia đình cùng nhau lo cho con, tuy nhiên vẫn không cải thiện được. Từ đó chị ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân cách đây được khoảng 02 năm. Trong thời gian ly thân cả hai đều không bàn bạc việc hàn gắn gia đình mặc dù giữa anh V và chị thường xuyên gặp nhau để chăm sóc cho con. Chị nhận thấy không còn khả năng hàn gắn gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Quốc V*: Anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị Phương L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Quốc V chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L yêu cầu ly hôn, do cả hai không còn phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và anh chị sống ly thân cách đây khoảng hai năm. Xét thấy, anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh V không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị không ai tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Trần Minh Trí, sinh ngày 24/7/2013, riêng anh V không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu Trí sống chung với chị L đã ổn định được chị trông nom chăm sóc phát triển tốt. Hiện nay, chị L có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Trí cho chị L được tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương L với anh Trần Quốc V. Chị L được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh Trí, sinh ngày 24/7/2013. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008780 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- UBND xã Gia Bình, H. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui